

Mã đề 113

Họ và tên:.....SBD:.....

PHẦN I. (4 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1.** Đồng tiền chung của châu Âu (đồng ơ-rô) được chính thức đưa vào giao dịch thanh toán từ năm nào sau đây?

- A. 1997. B. 1998. C. 1999. D. 2000.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về mục tiêu của Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Thúc đẩy sự tự do lưu thông. B. Tăng cường hợp tác, liên kết.
C. Duy trì nền hòa bình, an ninh. D. Xây dựng liên minh quân sự.

Câu 3. Ý nghĩa chủ yếu của việc thiết lập một EU tự do và hình thành liên minh kinh tế **không** phải là

- A. kích thích cạnh tranh và thương mại. B. nâng cao chất lượng và hạ giá thành.
C. góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. D. tạo mức sống đồng đều cho người dân.

Câu 4. Một chiếc máy bay do Pháp sản xuất khi xuất khẩu sang Hà Lan

- A. cần giấy phép của chính phủ Hà Lan. B. phải nộp thuế cho chính phủ Hà Lan.
C. không cần phải nộp thuế cho Hà Lan. D. thực hiện chính sách thương mại riêng.

Câu 5. Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về ngành thương mại của EU?

- A. Thương mại nội khối diễn ra mạnh. B. Hoạt động thương mại dẫn đầu thế giới.
C. Cán cân thương mại chủ yếu là nhập siêu. D. Cán cân thương mại chủ yếu là xuất siêu.

Câu 6. Một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách môi trường của EU là

- A. giảm thiểu biến đổi khí hậu. B. bảo vệ môi trường sông, hồ.
C. phòng chống các thiên tai. D. sử dụng hợp lý tài nguyên.

Câu 7. Giá nông sản của Liên minh châu Âu (EU) thấp hơn so với giá thị trường thế giới vì

- A. EU đã hạn chế nhập khẩu nông sản. B. giá lao động nông nghiệp rẻ.
C. đầu tư nguồn vốn lớn cho nông nghiệp. D. EU trợ cấp cho hàng nông sản.

Câu 8. Hầu hết lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á nằm trong vùng

- A. khu vực xích đạo. B. nội chí tuyến. C. ngoại chí tuyến. D. bán cầu Bắc.

Câu 9. Điểm khác nhau cơ bản của địa hình Đông Nam Á hải đảo với Đông Nam Á lục địa là

- A. có ít đồng bằng, nhiều đồi núi. B. có ít đồi núi, nhiều đồng bằng.
C. có nhiều núi lửa đang hoạt động. D. nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ.

Câu 10. Trở ngại về dân cư đối với phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều nước Đông Nam Á là

- A. dân số đông, tỉ lệ gia tăng còn cao. B. dân số đông, gia tăng rất chậm.
C. dân số không đông, gia tăng nhanh. D. dân số không đông, gia tăng chậm.

Câu 11. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên làm gián đoạn thời gian đánh bắt hải sản ở vùng biển phía bắc Biển Đông là

- A. động đất, biến đổi khí hậu. B. sóng thần, suy giảm tài nguyên.
C. ảnh hưởng của bão, gió mùa Đông Bắc. D. gió mùa Tây Nam, ô nhiễm môi trường.

Câu 12. Ngành công nghiệp nào **không** phải là thế mạnh của khu vực Đông Nam Á?

- A. Điện tử - tin học. B. Chế biến thực phẩm. C. Khai thác khoáng sản. D. Hàng không – vũ trụ.

Câu 13. Việc xây dựng các tuyến đường giao thông trong khu vực Đông Nam Á theo hướng đông - tây hết sức cần thiết đối với các nước có

- A. hướng núi Bắc- Nam. B. hướng núi Tây Bắc - Đông Nam.
C. lãnh thổ kéo dài theo chiều bắc - nam. D. lãnh thổ kéo dài theo chiều Đông- Tây.

Câu 14. Nước gia nhập ASEAN vào năm 1999 là

- A. Bru-nây. B. Cam-pu-chia. C. Mi-an-ma. D. Lào.

Câu 15. Vấn đề nào sau đây **không** còn là thách thức đối với các nước ASEAN hiện nay?

- A. Thất nghiệp, thiếu việc làm. B. Thiếu lương thực trầm trọng.
C. Khai thác tài nguyên tự nhiên. D. Chênh lệch lớn giàu nghèo.

Câu 16. Các nước ASEAN cần thực hiện giải pháp trước mắt nào sau đây để tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài?

- A. Cải thiện môi trường đầu tư. B. Nâng cao đời sống cho dân cư.
C. Đào tạo nguồn lao động có trình độ cao. D. Tăng cường dịch vụ quảng bá hình ảnh.

PHẦN II. (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

TỔNG GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CÁN CÂN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA EU, GIAO ĐOẠN 2010 – 2021 (đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2021
Tổng giá trị xuất nhập khẩu	11498	12015	16 687,2
Cán cân xuất nhập khẩu	232	749	654

(Nguồn: WB, năm 2022)

- a) Tổng giá trị xuất nhập khẩu của EU tăng liên tục qua các năm.
b) Cán cân xuất nhập khẩu của EU đạt giá trị cao nhất năm 2021.
c) Tổng giá trị xuất nhập khẩu năm 2021 cao hơn năm 2010 là 1,45 lần.
d) Năm 2021, giá trị xuất khẩu là 8670,6 tỉ USD.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Việt Nam có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và giải quyết các vấn đề của khu vực, như tham gia vào quá trình hình thành các liên kết kinh tế, quảng bá hình ảnh du lịch ASEAN như một điểm đến chung, thúc đẩy giáo dục về biến đổi khí hậu,

- a) Việt Nam chỉ tham gia hợp tác với ASEAN trong lĩnh vực kinh tế.
b) Việt Nam là thành viên chính thức của ASEAN năm 1995.
c) Việt Nam cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng nhân lực, chất lượng sản phẩm để có thể nâng cao vị trí trong ASEAN.
d) Là thành viên của ASEAN, Việt Nam sẽ có cơ hội tăng cường thu hút FDI cũng như mở rộng cơ hội đầu tư sang các nước ASEAN.

PHẦN III. (1 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

Câu 1. Tính mật độ dân số của EU năm 2024, biết dân số là 449,3 triệu người và diện tích là 4,233 triệu km²? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²)

Câu 2. Năm 2021, Bru-nây có giá trị xuất khẩu là 11,5 tỉ USD và nhập khẩu là 7,2 tỉ USD. Tính cán cân thương mại của Bru-nây năm 2021. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tỉ USD)

Câu 3. Năm 2019, khu vực Đông Nam Á có số lượt khách du lịch đến là 138,5 triệu lượt người, doanh thu đạt 147,6 tỉ USD. Tính chi tiêu bình quân của lượt khách du lịch ở khu vực Đông Nam Á năm 2019? (Làm tròn đến hàng đơn vị của USD/người)

Câu 4. Năm 2020, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Đông Nam Á là 3202,9 tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của là 149,7 tỉ USD. Tính trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Đông Nam Á? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)

PHẦN IV. (3 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Phân tích bốn mặt tự do lưu thông của thị trường chung châu Âu?

Câu 2. (2 điểm)

- a. Trình bày tình hình phát triển ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản của khu vực Đông Nam Á?
b. Kể tên các trung tâm công nghiệp tiêu biểu của khu vực Đông Nam Á? Vì sao ngành công nghiệp điện tử - tin học đang phát triển nhanh ở khu vực Đông Nam Á?

-----HẾT-----

SỞ GD & ĐT TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LÊ TRỌNG TẤN

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN ĐỊA LÝ – KHỐI 11

Thời gian làm bài :45 phút

Mã đề 115

Họ và

tên:.....SBD:.....

PHẦN I (4 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trụ sở hiện nay của Liên minh châu Âu (EU) được đặt ở thành phố nào sau đây?

- A. Brúc-xen (Bi). B. Béc- lin (Đức). C. Pa-ri (Pháp). D. Mat-xcơ-va (Nga).

Câu 2. ASEAN tạo ra một môi trường hòa bình và ổn định là cơ sở vững chắc để

- A. phát triển kinh tế biển. B. phát triển kinh tế - xã hội.
 C. đẩy mạnh đô thị hóa. D. đa dạng cơ cấu kinh tế.

Câu 3. Lĩnh vực nào sau đây **không** đặt ra làm mục tiêu hợp tác chính trong Liên minh châu Âu (EU)?

- A. Kinh tế. B. Luật pháp. C. Nội vụ. D. Quân sự.

Câu 4. Vấn đề nào sau đây đòi hỏi các quốc gia ASEAN phải có sự hợp tác chặt chẽ với nhau?

- A. Ngăn chặn phá rừng. B. Xuất khẩu nông sản.
 C. Biến đổi khí hậu. D. Bùng nổ dân số.

Câu 5. Thực hiện quyền bổ nhiệm Tòa Kiểm toán châu Âu là

- A. công dân các quốc gia. B. chính quyền các quốc gia.
 C. Nghị viện châu Âu. D. Hội đồng bộ trưởng EU.

Câu 6. Hầu hết các nước Đông Nam Á đều quan tâm đến phát triển giao thông vận tải đường biển do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Có vị trí thuận lợi, xu hướng hội nhập. B. Phát triển nội thương, có đầu tư lớn.
 C. Đường bộ hạn chế, hàng xuất khẩu lớn. D. Có nhiều vũng, vịnh, hàng hóa đa dạng.

Câu 7. Liên minh châu Âu (EU) đứng đầu thế giới về tỉ trọng

- A. viện trợ phát triển thế giới. B. sản xuất ô tô trên thế giới.
 C. xuất khẩu của thế giới. D. tiêu thụ năng lượng thế giới.

Câu 8: Ngành chiếm tỉ trọng lớn về giá trị sản xuất trong cơ cấu nông nghiệp ở nhiều các nước Đông Nam Á là

- A. trồng trọt. B. chăn nuôi. C. dịch vụ. D. thủy sản.

Câu 9. Giá nông sản của Liên minh châu Âu (EU) thấp hơn so với giá thị trường thế giới vì

- A. EU đã hạn chế nhập khẩu nông sản. B. giá lao động nông nghiệp rẻ.
 C. đầu tư nguồn vốn lớn cho nông nghiệp. D. EU trợ cấp cho hàng nông sản.

Câu 10. Trở ngại về dân cư đối với phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều nước Đông Nam Á là

- A. dân số đông, tỉ lệ gia tăng còn cao. B. dân số đông, gia tăng rất chậm.
 C. dân số không đông, gia tăng nhanh. D. dân số không đông, gia tăng chậm.

Câu 11. Liên kết vùng Ma-xơ Rai-nơ được hình thành tại khu vực biên giới của các nước

- A. Đức, Hà Lan, Pháp. B. Hà Lan, Pháp, Áo.
 C. Bỉ, Pháp, Đan Mạch. D. Hà Lan, Bỉ, Đức.

Câu 12. Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

- A. núi lửa. B. động đất. C. bão. D. sóng thần.

Câu 13. Đầu tư của EU tập trung nhiều vào lĩnh vực nào sau đây?

- A. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. B. Bất động sản, du lịch và ngân hàng.
 C. Dịch vụ, khai thác dầu khí và chế tạo. D. Công nghiệp khai khoáng và chế biến, chế tạo.

Câu 14. Một chiếc máy bay do Pháp sản xuất khi xuất khẩu sang Hà Lan

- A. cần giấy phép của chính phủ Hà Lan. B. phải nộp thuế cho chính phủ Hà Lan.
 C. thực hiện chính sách thương mại riêng. D. không cần phải nộp thuế cho Hà Lan.

Câu 15. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa là có

- A. nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam. B. nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

C. đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa.

D. khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

Câu 16. Một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách môi trường của EU là

A. bảo vệ môi trường sông, hồ.

B. giảm thiểu biến đổi khí hậu.

C. phòng chống các thiên tai.

D. sử dụng hợp lý tài nguyên.

PHẦN II (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ CHỈ SỐ KINH TẾ THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ LỚN TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2021. Đơn vị: Tỷ USD

Khu vực kinh tế	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản	Thế giới
GDP	17177,4	23315,1	17734,1	4940,9	96513,1
Đầu tư ra nước ngoài	687,1	421,8	128,0	149,9	2120,2
Trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8670,6	2539,6	3553,5	910,5	27876,8

a) EU có GDP cao nhất thế giới.

b) EU có đầu tư ra nước ngoài cao nhất thế giới.

c) Tỷ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ lớn nhất thế giới.

d) GDP của EU gấp đôi GDP của Hoa Kỳ.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Dịch vụ khu vực Đông Nam Á có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhanh các hoạt động kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo vệ môi trường. Ngành này phát triển với tốc độ khá nhanh, tỉ trọng đóng góp ngày càng cao trong cơ cấu GDP của khu vực (năm 2020 là 49,7 %). Cơ cấu ngành dịch vụ ngày càng đa dạng. Hiện nay, nhiều nước đã đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng quy mô, ứng dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng dịch vụ.

a) Cơ sở hạ tầng dịch vụ các nước Đông Nam Á phát triển tốc độ đầu thế giới.

b) Dịch vụ đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển kinh tế của tất cả các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

c) Đông Nam Á là một trong những điểm đến phổ biến của khách du lịch quốc tế.

d) Một số thành phố là trung tâm dịch vụ hàng đầu của khu vực và thế giới: Xin-ga-po, Cu-a-la-lăm-pơ, Băng Cốc...

PHẦN III (1 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

Câu 1. Tính GDP bình quân trên người của EU năm 2021 biết số dân là 447,1 triệu người và GDP là 17,2 nghìn tỷ USD? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn USD/người).

Câu 2. Năm 2024 dân số Việt Nam là 101,3 triệu người, diện tích là 331,2 nghìn km². Mật độ dân số của Việt Nam là bao nhiêu người/ km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km²).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 – 2020. (Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2000	2010	2020
Đông Nam Á	5,3	8,0	10,7
Thế giới	7,1	10,8	14,0

(Nguồn: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc, 2022)

Tính tỉ trọng cao su của Đông Nam Á so với thế giới năm 2020 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 4. Biết tổng trị giá xuất nhập khẩu của nước ta năm 2021 là 669,0 tỷ USD, trong đó trị giá xuất khẩu so với trị giá nhập khẩu là 101%. Tính trị giá xuất khẩu của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỷ USD).

PHẦN IV (3 điểm).

Câu 1 (1 điểm): Phân tích bốn mặt tự do lưu thông của thị trường chung châu Âu?

Câu 2 (2 điểm):

a. Trình bày đặc điểm khí hậu khu vực Đông Nam Á?

b. Kể tên 4 trung tâm công nghiệp tiêu biểu của khu vực Đông Nam Á? Tại sao nói Đông Nam Á có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp nhiệt đới lâu năm?

-----**HẾT**-----